

Số: 39 /2024/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Thực hiện Thông báo số 347/TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 73 - khóa X;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 366/TTr-STNMT ngày 27 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 3 Điều 177 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân sử dụng đất có nhu cầu nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp.
2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai và tổ chức dịch vụ công về đất đai có liên quan đến việc thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Điều 3. Hạn mức nhận chuyển quyền

1. Đối với đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản: Không quá 45 ha đối với mỗi loại đất.
2. Đối với đất trồng cây lâu năm: Không quá 150 ha
3. Đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 450 ha đối với mỗi loại đất.

Điều 4. Một số quy định về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân.

1. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Điều 3 của Quyết định này bao gồm phần diện tích đất nông nghiệp thuộc hành lang bảo vệ các công trình theo quy định pháp luật.
2. Trường hợp cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tổng diện tích được nhận chuyển quyền trong hạn mức đối với mỗi loại đất (đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng) không quá hạn mức quy định tại Điều 3 của Quyết định này. Việc xác định diện tích đất nông nghiệp đã nhận chuyển quyền trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố dựa trên quy định pháp luật về kê khai của cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp.
3. Trường hợp cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp bao gồm nhiều loại đất (đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng) thì hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân đó được xác định theo từng loại đất quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến Quyết định này cho các ngành, các cấp ở địa phương, tổ chức hành nghề công chứng và tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân.



2. Sở Tư pháp chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên trên địa bàn tỉnh Bình Dương phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến việc nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp cho người yêu cầu công chứng khi công chứng các văn bản có nội dung liên quan đến các quy định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền, phổ biến Quyết định này dưới nhiều hình thức như niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Trung tâm phục vụ hành chính công; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

4. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố tổ chức đăng ký đất đai theo đúng thẩm quyền quy định.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm kiểm tra, đảm bảo việc sử dụng đất nông nghiệp đúng mục đích theo quy định pháp luật.

6. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, phải kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp các sở, ngành liên quan hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

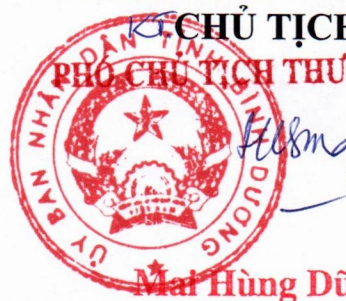
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Tư pháp; TN&MT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Như Điều 7;
- CSDL quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Báo Bình Dương;
- LĐVP, CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mal Hùng Dũng